

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản số 04/2022/CV/CTTL ngày 15/12/2022 của Công ty TNHH Thương mại Tân Loan “Về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Trung tâm thương mại Tân Loan” tại 145 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk”;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 22/TTr-STNMT ngày 18 / 01 /2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Thương mại Tân Loan, địa chỉ tại số 145 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Trung tâm thương mại Tân Loan” tại 145 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của dự án đầu tư**

1.1. Tên dự án đầu tư: “Trung tâm thương mại Tân Loan”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 145 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 6000826580, do Phòng Đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp, đăng ký lần đầu ngày 10/03/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 28/12/2021.

1.4. Mã số thuế: 6000826580.

1.5. Loại hình kinh doanh, dịch vụ: Đại lý ô tô và xe có động cơ khác.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ.

- Tổng diện tích của dự án là 6.019 m<sup>2</sup>.

- Quy mô, công suất:

+ Phân phối xe ô tô Honda: 3-5 xe/ngày;

+ Bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế phụ tùng ô tô: 40-60 xe/ngày.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Thương mại Tân Loan

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Thương mại Tân Loan có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **10 năm**, kể từ ngày cấp Giấy phép.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Buôn Ma Thuột tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Công ty TNHH Thương mại Tân Loan  
(Đ/c: Số 145 Nguyễn Chí Thanh, P. Tân An,  
TP. BMT);
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- TTCN và Công TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, NNMT ( H. 07b)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Cảnh**

## Phụ lục 1

### **NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 4 năm 2023  
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

#### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

##### **1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- 1.1. Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực Nhà điều hành;
- 1.2. Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực Nhà kỹ thuật;
- 1.3. Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực Nhà trung bày;
- 1.4. Nguồn số 04: Nước thải sản xuất phát sinh từ khu vực rửa xe và nước vệ sinh sàn khu vực rửa xe.

##### **2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**

01 dòng nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 18 m<sup>3</sup>/ngày đêm) xả vào nguồn tiếp nhận.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước mưa của thành phố Buôn Ma Thuột trên tuyến đường Nguyễn Chí Thanh tại phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột.

##### 2.2. Vị trí xả nước thải:

- Hố ga (kí hiệu 213P) trên vỉa hè đường Nguyễn Chí Thanh tại số 145 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108<sup>o</sup>30', múi chiếu 3<sup>o</sup>): X = 0454112, Y = 1405051.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 17,28 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

##### 2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau Hệ thống xử lý nước thải tập trung được bơm vào đường ống PVC D220 mm (chiều dài 12 m) dẫn về hố ga thu nước mưa (kích thước 800 x 800 x 820 mm) → Hệ thống thoát nước mưa của Trung tâm (cống bê tông D200 mm, chiều dài 8 m) → Hố ga thu nước mưa của thành phố nằm trên vỉa hè đường Nguyễn Chí Thanh (kí hiệu 213P, kích thước 1000 x 1000 x 820 mm) → theo cao độ tự chảy vào hệ thống thoát nước mưa chung của thành phố Buôn Ma Thuột

- Phương thức xả tại vị trí xả nước thải: Bơm, tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.3.2. Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của thành phố Buon Ma Thuật phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của QCVN 40:2011/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A,  $K_q = 0,9$ ;  $K_f = 1,2$ ), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6-9	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	32,4		
3	COD	mg/l	81		
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	54		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	5,4		
6	Tổng Nitơ	mg/l	21,6		
7	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/l	4,32		
8	Clo dư	mg/l	1,08		
9	Tổng Dầu mỡ khoáng	mg/l	5,4		
10	Tổng Coliform	MPN/100 ml	3.000		

**Ghi chú:** Khuyến khích thực hiện quan trắc nước thải định kỳ đối với các chất ô nhiễm nêu tại Bảng trên để tự theo dõi, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ nguồn số 01, 02, 03 (thu gom theo đường ống PVC D114 mm) → Bể tự hoại 3 ngăn → Đường ống PVC D114 mm → Bể điều hòa của Hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nước thải sản xuất từ nguồn số 04 (thu gom theo đường ống PVC D114

mm) → Bể gom, tách nhớt → Đường ống PVC D90 mm → Giỏ chắn rác thô → Bể điều hòa của Hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

### 1.2.1. Bể tự hoại 3 ngăn (xử lý sơ bộ nước thải từ các nguồn số 01, 02, 03)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Ngăn chứa → Ngăn lắng 1 → Ngăn lắng 2 → Thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Dung tích thiết kế: Gồm 03 bể tự hoại đặt tại các khu vực nhà vệ sinh của Nhà điều hành, Nhà kỹ thuật và Nhà trung bày, dung tích thiết kế mỗi bể là 25,2 m<sup>3</sup> (kích thước 4m x 3m x 2,1m).

### 1.2.2. Bể thu gom, tách nhớt (xử lý sơ bộ nước thải sản xuất từ nguồn số 04)

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải rửa xe và vệ sinh sàn → Ngăn TK-01A → Ngăn TK-01B → Ngăn TK-01C → Ngăn TK-01D → Giỏ chắn rác thô → Thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Dung tích thiết kế: Gồm 01 bể, dung tích thiết kế 44,46 m<sup>3</sup> (kích thước 5,7m x 2,6m x 3m).

### 1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (đã qua xử lý sơ bộ) → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí (Anoxic) → Bể hiếu khí (Aerotank) → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Cột lọc áp lực → Khử trùng trước khi thoát ra Hồ ga thu nước mưa (Nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A, K<sub>q</sub> = 0,9; K<sub>f</sub> = 1,2) → Hệ thống thoát nước mưa của thành phố Buôn Ma thuột.

- Công suất thiết kế: 18 m<sup>3</sup>/ngày đêm

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, Chlorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

## 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đã xây dựng biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với nước thải trong các trường hợp hư hỏng nhẹ (mất điện đột ngột, nhảy role nhiệt...). Trường hợp hệ thống hư hỏng nặng (chất lượng nước thải đầu ra không đạt yêu cầu; sự cố hỏng máy móc, thiết bị...) nước thải sau bồn lọc áp lực sẽ được bơm ngược về bể điều hòa để lưu chứa tạm thời, dừng hoạt động toàn bộ hệ thống để khắc phục sự cố.

- Thường xuyên bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị của hệ thống, theo dõi tình trạng hoạt động của các bể để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành xử lý; lập quy trình vận hành hệ thống

xử lý nước thải theo quy định.

- Bố trí 01 nhân viên chuyên trách theo dõi, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải được vận hành theo đúng quy trình đã ban hành.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Dự án “Trung tâm thương mại Tân Loan” đã có Giấy phép môi trường thành phần (Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 16/GP-UBND ngày 07/4/2020 của UBND tỉnh), do vậy Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phân A Phụ lục này trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, xả nước thải, đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

3.3. Có Sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin về quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Công ty TNHH Thương mại Tân Loan chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu nước thải xả chưa được xử lý đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo quy định vào nguồn tiếp nhận.

## Phụ lục 2

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND, ngày tháng 4 năm 2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

##### 1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải, bụi phát sinh từ phòng sơn Saima.
- Nguồn số 02: Khí thải, bụi phát sinh từ phòng sơn nhanh 01.
- Nguồn số 03: Khí thải, bụi phát sinh từ phòng sơn nhanh 02.
- Nguồn số 04: Khí thải, bụi phát sinh từ khu vực đồng sơn (tầng 2)

##### 2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $108^{\circ}30'$ , múi giờ  $3^{\circ}$ )

- Dòng khí thải số 01 (Tương ứng với nguồn số 01), vị trí xả khí thải: Ống thoát khí tại phòng sơn Saima: X = 0454120; Y = 1405107.
- Dòng khí thải số 02 (Tương ứng với nguồn số 02), vị trí xả khí thải: Ống thoát khí tại phòng sơn nhanh 01: X = 0454118; Y = 1405105.
- Dòng khí thải số 03 (Tương ứng với nguồn số 03), vị trí xả khí thải: Ống thoát khí tại phòng sơn nhanh 02: X = 0454122; Y = 1405109.
- Dòng khí thải số 04 (Tương ứng với nguồn số 04), vị trí xả khí thải: Ống thoát khí của hệ thống hút bụi trung tâm: X = 0454125; Y = 1405118.

##### 2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

- Dòng khí thải số 01: 20.000 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 02: 12.500 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 03: 12.500 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 04: 2.000 m<sup>3</sup>/giờ.

##### 2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01, 02, 03: Xả gián đoạn qua ống thoát khí (khi phòng sơn có hoạt động).
- Dòng khí thải số 04: Xả liên tục qua ống thoát khí (24 giờ).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, K<sub>p</sub> = 1,0; K<sub>v</sub> = 0,6), QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:



TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu Lượng	m <sup>3</sup> /h	-	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	Nhiệt độ	°C	-		
3	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	120 <sup>(1)</sup>		
4	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	600 <sup>(1)</sup>		
5	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	300 <sup>(1)</sup>		
6	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	510 <sup>(1)</sup>		
7	Pb	mg/Nm <sup>3</sup>	3 <sup>(1)</sup>		
8	Benzen	mg/Nm <sup>3</sup>	5 <sup>(2)</sup>		
9	Toluen	mg/Nm <sup>3</sup>	750 <sup>(2)</sup>		

**Ghi chú:**

- <sup>(1)</sup>: Giá trị giới hạn theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với hệ số Kp = 1,0; Kv = 0,6).

- <sup>(2)</sup>: Giá trị giới hạn theo QCVN 20:2009/BTNMT.

*Khuyến khích thực hiện quan trắc khí thải định kỳ đối với các chất ô nhiễm nêu tại Bảng trên để tự theo dõi, giám sát hoạt động của thiết bị xử lý khí thải.*

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Khí thải, bụi từ nguồn số 01, 02, 03: được thu gom bằng các quạt hút sau đó thoát ra ngoài qua các ống thoát khí.

- Khí thải, bụi từ nguồn 04: được thu gom bằng hệ thống các chụp hút (08 chụp hút, bố trí phía trên các khu vực phát thải bụi như khu bả matit, khu chà nhám...) sau đó thoát ra ngoài qua ống thoát khí.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

1.2.1. Thiết bị xử lý khí thải tại phòng sơn Saima

- Quy trình công nghệ xử lý khí thải: Khí thải, bụi sơn từ phòng sơn Saima

→ Bộ hút và lọc bụi (lọc bụi trần và lọc bụi sàn) → Thoát ra ngoài qua ống thoát khí.

- Công suất thiết kế (xác định theo công suất hút khí thải tối đa của quạt hút khí): 20.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Vật liệu sử dụng:

+ Bộ lọc bụi sàn (bằng sợi thủy tinh, gồm 03 tấm, kích thước mỗi tấm là 1,2m x 0,8m)

+ Bộ lọc bụi trần (bằng sợi thủy tinh, gồm 06 tấm, kích thước mỗi tấm là 1,2m x 0,8m)

### 1.2.2. Thiết bị xử lý khí thải tại phòng sơn nhanh 01 và 02

- Quy trình công nghệ xử lý khí thải: Khí thải, bụi sơn từ phòng sơn nhanh 01, 02 → Bộ hút và lọc bụi (lọc bụi trần và lọc bụi sàn) → Thoát ra ngoài qua ống thoát khí.

- Công suất thiết kế (xác định theo công suất hút khí thải tối đa của bộ hút khí): 12.500 m<sup>3</sup>/giờ.

- Vật liệu sử dụng:

+ Bộ lọc bụi sàn (bằng sợi thủy tinh, gồm 02 tấm, kích thước mỗi tấm là 1,2m x 0,8m)

+ Bộ lọc bụi trần (bằng sợi thủy tinh, gồm 04 tấm, kích thước mỗi tấm là 1,2m x 0,8m)

### 1.2.3. Thiết bị xử lý khí thải tại khu vực đồng sơn

- Quy trình công nghệ xử lý khí thải: Khí thải, bụi từ khu vực đồng sơn → Hệ thống các chụp hút → Buồng tách bụi của hệ thống hút bụi trung tâm → Khí thải thoát ra ngoài qua ống thoát khí.

- Công suất thiết kế: 2.000 m<sup>3</sup>/giờ

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị của hệ thống thu gom, xả khí thải đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật để theo dõi quá trình vận hành của các thiết bị xử lý bụi, khí thải, đảm bảo tuân thủ đúng quy trình vận hành của nhà sản xuất.

- Trường hợp thiết bị xử lý bụi, khí thải gặp sự cố phải tạm dừng hoạt động, tạm dừng hoạt động của trung tâm để thay thế, sửa chữa kịp thời. Chỉ đưa trung tâm vào hoạt động trở lại sau khi đã khắc phục xong sự cố.

**2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

**3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, thoát khí thải tại Dự án.

3.3. Công ty TNHH Thương mại Tân Loan chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả khí thải chưa được xử lý đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo quy định ra ngoài môi trường.

### Phụ lục 3

## BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-UBND ngày tháng 4 năm 2023  
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN

#### 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn

Nguồn số 01: Hoạt động của các thiết bị, máy móc từ khu vực sửa chữa, bảo hành xe (tầng 2).

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn** (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $108^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ )

Khu vực trung tâm xưởng sửa chữa tại tầng 2; Tọa độ: X = 0454122; Y = 1405120.

3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN

#### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Các máy móc, thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn phải được kê đế cao su chống ồn.

#### 2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Thực hiện các biện pháp quản lý trong quá trình vận hành để giảm thiểu tiếng ồn.

2.3. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn.

**Phụ lục 4****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 4 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

<b>TT</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Mã chất thải</b>	<b>Trạng thái tồn tại</b>	<b>Khối lượng phát sinh (kg/năm)</b>
1	Hộp mực in, photo thải	08 02 04	Rắn	05
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	01
3	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	15 01 02	Rắn	15
4	Các chi tiết, bộ phận của phanh đã qua sử dụng có amiăng	15 01 06	Rắn	15
5	Mỡ bôi trơn thải	17 07 04	Lỏng	10
6	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	17 02 03	Lỏng	500
7	Bao bì nhựa cứng thải (chai đựng nhớt...)	18 01 03	Rắn	24
8	Bao bì kim loại cứng thải (thùng chứa sơn thải...)	18 01 02	Rắn	65
9	Chất thải từ quá trình cạo, bóc tách sơn có thành phần nguy hại	08 01 03	Rắn	15
10	Giẻ lau thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	72
11	Ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	10
12	Hỗn hợp dầu mỡ thải từ quá trình phân tách dầu/nước	12 06 04	Lỏng	10
13	Vật liệu lọc thải (tấm lọc bụi thải)	18 02 01	Rắn	50
14	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	12 06 06	Rắn	300
	<b>Tổng</b> (Trừ mục 13 và 14)			<b>742</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Chất thải không có khả năng tái sử dụng: khoảng 10-15 kg/ngày, bao gồm: phụ tùng xe cũ, hư hỏng, thùng xe hỏng, đồ nhựa...

- Chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế: khoảng 12 -17 kg/ngày, bao gồm: thùng giấy, bì carton, bao bì thải...

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Chất thải thực phẩm: khoảng 23,5 kg/ngày, bao gồm: Thức ăn thừa, vỏ trái cây các loại...

- Chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế: khoảng 05 kg/ngày, bao gồm: giấy báo các loại, vỏ chai lọ đựng nước, bao bì đựng thực phẩm thải...

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải nguy hại được thu gom và phân loại theo quy định.

- Bố trí 10 thùng chứa (loại 120 lít, có nắp đậy kín, có dán nhãn phân loại chất thải nguy hại theo quy định).

2.1.2. Khu vực lưu chứa tạm thời chất thải:

- Xây dựng kho lưu chứa chất thải nguy hại có diện tích là 8 m<sup>2</sup> (Kích thước: 4m x 2m), đặt ở hướng Bắc dự án (cạnh kho chứa chất thải rắn sinh hoạt).

- Kết cấu kho lưu chứa: Xây tường bao quanh bằng tôn, nền xi măng chống thấm có mái che, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định

**2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom và phân loại theo quy định.

- Các loại phụ tùng hư hỏng được thu gom, hoàn trả cho khách hàng; Chất thải rắn có thể tái chế như thùng giấy, bì carton...được thu gom, lưu chứa tại kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường ở hướng Bắc của dự án.

2.2.2. Khu vực lưu chứa tạm thời chất thải:

- Xây dựng kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường có diện tích là 6 m<sup>2</sup> (Kích thước: 3m x 2m), đặt ở hướng Bắc của dự án.

- Kết cấu kho lưu chứa: Xây tường bao quanh bằng tôn, nền xi măng chống thấm, có mái che.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt**

#### **2.3.1. Thiết bị lưu chứa:**

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và phân loại theo quy định.
- Bố trí 10 thùng chứa (loại 15 lít, có nắp đậy kín) tại các khu vực văn phòng, xưởng dịch vụ, nhà vệ sinh... để thu gom chất thải rắn sinh hoạt, sau đó, cuối mỗi ngày nhân viên trung tâm sẽ thu gom về 05 thùng chứa (loại 80 lít, có nắp đậy kín) đặt tại kho chứa chất thải rắn sinh hoạt ở hướng Bắc của dự án.

#### **2.3.2. Khu vực lưu chứa tạm thời chất thải:**

- Xây dựng kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt có diện tích là 4m<sup>2</sup> (Kích thước: 2m x 2m), đặt ở hướng Bắc của dự án.
- Kết cấu kho lưu chứa: Xây tường bao quanh bằng tôn, nền xi măng chống thấm, có mái che.

### **3. Hoạt động xử lý, tái sử dụng chất thải:**

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định (*Hợp đồng với Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng An Sinh để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại tại dự án theo Hợp đồng số 44.01-ASTN/HĐKT-CTNH/2022 ngày 01/01/2022*).

- Hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển chất thải có thể tái sử dụng, tái chế theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị dịch vụ tại địa phương để thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định (*Hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường Đông Phương để thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo Hợp đồng số 123/2022/HĐ-DV ngày 01/09/2022*).

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Thực hiện các phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố trong quá trình vận hành như: cháy nổ, tai nạn lao động, sự cố hệ thống xử lý nước thải.

2. Công ty TNHH Thương mại Tân Loan có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 4 năm 2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)**

Không có hạng mục, công trình sản xuất và công trình bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường này.

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Quản lý tất cả các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án, bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

Khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định pháp luật. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn giao thông, an toàn an toàn thực phẩm, an toàn điện, an toàn và vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.